

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm và gạch không nung tại cụm công nghiệp Dân Lực - Dân Quyền - Dân Lý, huyện Triệu Sơn của Tổng công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần Luyện kim Việt Mỹ tại khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ liên xã Dân Lực - Dân Quyền - Dân Lý, huyện Triệu Sơn; cho Tổng công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần thuê đất để sử dụng vào mục đích nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm và gạch không nung;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm và gạch không nung tại cụm công nghiệp Dân Lực - Dân Quyền - Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tại hội nghị thẩm định báo cáo ĐTM họp ngày 16/9/2020; nội dung Báo cáo ĐTM của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 12/CV-MT ngày 5/10/2020 của Tổng công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1041/Tr-STNMT ngày 15/10/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm và gạch không nung tại cụm công nghiệp Dân Lực - Dân Quyền - Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Tổng công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn, Giám đốc Tổng công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Quyền**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm và gạch không nung tại**  
**cụm công nghiệp Dân Lực - Dân Quyền - Dân Lý, huyện Triệu Sơn,**  
**tỉnh Thanh Hóa**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của  
Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Thông tin chung dự án:**

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm và gạch không nung tại cụm công nghiệp Dân Lực - Dân Quyền - Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

1.2. Chủ đầu tư: Tổng công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần

- Đại diện: Ông Nguyễn Hữu Ninh Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Minh, xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại: 0904.040.111

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Dự án nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm và gạch không nung có tổng diện tích 20.282,0 m<sup>2</sup>. Bao gồm các công trình: Nhà điều hành, Nhà xưởng sản xuất gạch không nung, nhà sản xuất bê tông thương phẩm, trạm trộn bê tông thương phẩm, sân bãi nguyên liệu, thành phẩm và các công trình phụ trợ khác.

- Công suất sản xuất: Gạch không nung là 30.000.000 viên/năm; bê tông thương phẩm là 150.000m<sup>3</sup>/năm.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án**

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân là 2,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (*trong đó nước thải vệ sinh: 0,75 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; nước thải rửa tay chân: 1,25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm*); thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải sản xuất phát sinh trong quá trình sản xuất gạch không nung và trạm trộn bê tông thương phẩm là 18,25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (*trong đó nước thải rửa thiết bị: 2,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; nước thải từ khu vực rửa xe: 10,2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; nước thải vệ sinh công nghiệp: 4 m<sup>3</sup>/ngày.đêm*); thành phần chủ yếu bao gồm: chất rắn lơ lửng, cặn đá, cát, xi măng...

- Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu có lưu lượng 0,013m<sup>3</sup>/s; thành phần chứa các chất rắn lơ lửng, cát, đá,...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ dự án chủ yếu là bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất bê tông thương phẩm và gạch không nung; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động từ các phương tiện vận chuyển và công

nhân viên ra vào nhà máy; mùi từ khu tập kết chất thải rắn. Thành phần chủ yếu: bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S...

### 2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân tại nhà máy khoảng 32,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động vận chuyển vật liệu như đá, cát,... có khối lượng khoảng 9,25 m<sup>3</sup>/ngày. Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất gạch không nung có khối lượng khoảng 100 kg/năm.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên dự án có khối lượng khoảng 8,0kg/ngày.đêm; thành phần chủ yếu bao gồm lá cây, giấy vụn, cát, đá rậm, mặt đá,... Chất thải rắn cặn lắng từ các hố lắng có khối lượng khoảng 1,8m<sup>3</sup>/ngày; thành phần chủ yếu gồm cát, đá rậm, xi măng.

### 2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 10 kg/tháng bao gồm giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy, bóng đèn hỏng...; Chất thải rắn lỏng nguy hại phát sinh khoảng 5.475 lít/năm chủ yếu dầu nhớt thải.

2.5. Một số tác động khác như: tác động kinh tế xã hội, tác động do rủi ro, sự cố môi trường.

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của trong giai đoạn vận hành của dự án

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

#### a. Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom và dẫn theo đường ống nhựa PVCΦ110 về các bể tự hoại để xử lý sơ bộ và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ khu nhà ăn được thu gom và dẫn theo đường ống nhựa PVCΦ90 qua song chắn rác và được xử lý qua bể tách dầu mỡ rồi xả ra hệ thống mương thoát nước phía Nam nhà máy.

- Nước thải rửa tay chân được thu gom và dẫn theo đường ống nhựa PVCΦ90 qua song chắn rác và xả ra hệ thống mương thoát nước phía Nam nhà máy.

#### b. Nước thải sản xuất:

- Nước thải từ quá trình rửa thiết bị, nước thải rỉ từ quá trình sản xuất bê tông được xử lý qua 01 bể lắng có thể tích 6,0m<sup>3</sup> (*kích thước dài × rộng × cao = 2,0m × 2,0m × 1,5m*). Nước thải từ quá trình rửa xe được xử lý qua 01 bể lắng có thể tích 13,5m<sup>3</sup> (*kích thước dài × rộng × cao = 3,0m × 3,0m × 1,5m*). Nước thải vệ sinh công nghiệp được thu gom qua hệ thống mương.

- Nước thải sản xuất (*nước thải rửa thiết bị, nước thải rỉ từ sản xuất, nước thải rửa xe và vệ sinh công nghiệp*) và nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu được đưa về ao lắng hiện trạng có thể tích 305m<sup>3</sup> (*kích thước dài × rộng × cao = 15m × 14m × 1,5m*) để lắng. Một phần nước thải sau lắng được

bơm tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất và một phần được thải ra hệ thống mương thoát nước phía Nam nhà máy.

### 3.2. Về bụi, khí thải:

- Dây chuyền sản xuất bê tông thiết kế khép kín; bố trí dàn phun ẩm dạng phun sương. Thường xuyên tưới ẩm khu vực trạm trộn, bãi tập kết nguyên liệu trong những ngày nắng nóng, hanh khô. Kho lưu trữ cốt liệu được xây cao, thông thoáng.

- Thường xuyên vệ sinh khu vực xưởng, đường giao thông, nạo vét bùn lắng hệ thống đường ống thoát nước. Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân làm việc tại nhà máy, với số lượng 02 bộ/người/năm.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

#### a. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí các thùng đựng rác thải sinh hoạt tại các khu vực văn phòng (05 thùng loại 5lit/thùng), xưởng kho thiết bị (01 thùng 0,5m<sup>3</sup>/thùng), xưởng sản xuất gạch không nung (02 thùng loại 20lit/thùng), nhà vệ sinh chung (02 thùng loại 5lit/thùng), khu vực nhà rửa xe (01 thùng loại 20lit/thùng), nhà ăn chung (02 thùng loại 100lit/thùng).

- Định kỳ thu gom vào 02 thùng chứa tập trung có dung tích 500 lít/thùng và được đặt tại về khu tập kết rác; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý 01 lần/ngày.

#### b. Chất thải rắn sản xuất:

- Đất đá rơi vãi được thu gom, tận dụng làm nguyên liệu sản xuất.

- Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất gạch không nung được thu gom, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

#### c. Chất thải rắn vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên được thu gom vào 06 thùng rác loại 50 lít/thùng; hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn từ quá trình nạo vét hố lắng, ao lắng được thu gom về nhà kho tập kết phế thải thu hồi, tái sử dụng cho sản xuất.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại được thu gom vào 01 thùng chứa dung tích 500 lít/thùng; Chất thải lỏng nguy hại được thu gom vào 01 thùng chứa dung tích 120 lít/thùng. Các thùng có nắp đậy, dán nhãn và đặt tại khu tập kết rác thải tập trung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đem xử lý theo quy định.

**4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn vận hành**

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

#### 4.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, độ ồn, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, Bụi.

- Vị trí giám sát:

+ KK1: Mẫu không khí tại khu vực trạm trộn bê tông tươi;

+ KK2: Mẫu không khí tại khu vực xưởng sản xuất gạch không nung.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26: 2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

#### 4.2. Giám sát chất lượng nước thải

##### a. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng Nito, Tổng photpho, dầu mỡ, Coliform.

- Vị trí giám sát:

+ NT: Mẫu nước thải sau xử lý tại cửa thải ra mương thoát nước khu vực phía Đông dự án. (Tọa độ: X=2190587.60; Y=576511.32)

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

##### b. Giám sát nước thải sản xuất

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng Nito, Tổng photpho, dầu mỡ, Coliform.

- Vị trí giám sát:

+ NT1: Mẫu nước thải ao lắng vào mương phía Nam dự án.

+ NT2: Mẫu nước bề lắng trước khi dẫn vào ao lắng nhà máy.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)/.